TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2018/DS-ST Ngày: 10/5/2018 Về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Liêm

Ông Nguyễn Nam Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 69/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST- DS ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1959
Nơi cư trú: Tổ dân phố Thuận H , phường Cam T , thành phố C , tỉnh Khánh Hòa (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn G , sinh năm: 1969
Nơi cư trú: Tổ dân phố Thuận H , phường Cam T , thành phố C , tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Quốc V , sinh năm: 1983
Anh Trần Lê Quốc V , sinh năm: 1986
Chị Trần Lê Thụy Tường V , sinh năm: 1992
Chị Trần Lê N , sinh năm: 1981
Cùng cư trú: Tổ dân phố Thuận H, phường Cam T , thành phố C , tỉnh Khánh Hòa.

Đều ủy quyền cho bà Lê Thị L (văn bản ủy quyền ngày 02/8/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2017, bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:* Chồng bà là ông Trần Đức C (đã chết) có cho ông Nguyễn G vay tổng cộng số tiền 50.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 25/5/2011 âm lịch, ông C có cho vay 20.000.000 đồng; sau đó có cho vay thêm số tiền 30.000.000 đồng nhưng đến sau khi ông C chết ông G mới viết giấy nợ. Đến ngày 21/6/2011 âm lịch, ông G có vay thêm của bà L số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, ông G có trả cho bà một ít lãi nhưng đến tháng 2/2015, ông không trả nữa. Nay bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn G phải trả cho bà và các con chung của bà và ông Trần Đức C là anh Trần Quốc V anh Trần Lê Quốc V , chị Trần Lê Thụy Tường V , chị Trần Lê N số tiền nợ gốc mà ông G đã vay của ông Trần Đức C là 50.000.000 đồng; buộc ông Nguyễn G phải trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng mà ông G đã vay của bà và tiền lãi 0,8% tính từ tháng 2/2015 đến nay đối với tổng số tiền nợ 70.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 26 tháng 7 năm 2017 bị đơn ông Nguyễn G trình bày:* Ông có vay của ông Trần Đức C (đã chết) – chồng bà Lê Thị L số tiền 50.000.000 đồng, đã trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Sau đó, ông có vay của bà Lê Thị L số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng. Ông đã trả cho con ông C là anh Trần Quốc V số tiền 19.950.000 đồng. Nay ông còn nợ lại số tiền gốc là 20.050.000 đồng và tiền lãi tính đến năm 2015 là 20.000.000 đồng. Ông chỉ đồng ý trả lại cho bà L số tiền nợ gốc còn lại 20.050.000 đồng, không đồng ý trả lãi và yêu cầu được trả dần số nợ trên mỗi tháng 5.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 10 tháng 10 năm 2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc V trình bày:* Cha anh là ông Trần Đức C có cho ông Nguyễn G vay số tiền 50.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu giao toàn bộ số tiền nợ trên cho mẹ anh là bà Lê Thị L.

** Tại bản tự khai ngày 10 tháng 10 năm 2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Lê Quốc V trình bày:* Cha anh là ông Trần Đức C có cho ông Nguyễn G vay số tiền 50.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu giao toàn bộ số tiền nợ trên cho mẹ anh là bà Lê Thị L.

** Tại bản tự khai ngày 10 tháng 10 năm 2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Lê Thụy Tường V trình bày:* Cha chị là ông Trần Đức C có cho ông Nguyễn G vay số tiền 50.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu giao toàn bộ số tiền nợ trên cho mẹ chị là bà Lê Thị L.

** Tại bản tự khai ngày 10 tháng 10 năm 2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Lê N trình bày:* Cha chị là ông Trần Đức C có cho ông Nguyễn G vay số tiền 50.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu giao toàn bộ số tiền nợ trên cho mẹ chị là bà Lê Thị L.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L xác nhận từ tháng 12/2014 đến tháng 02/2015, ông Nguyễn G đã trả dần cho con trai bà là Trần Quốc V số tiền tổng cộng là 19.950.000 đồng; số tiền này bà đồng ý trừ vào tiền gốc cho ông G . Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G phải trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là: 70.000.000 đồng - 19.950.000 đồng = 50.050.000 đồng và tiền lãi kể từ tháng 3/2015 đến hết tháng 4/2018 là 38 tháng với mức lãi suất của Ngân hàng chính sách là 0,8%/ tháng.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc thụ lý vụ án cũng như quá trình lập hồ sơ, xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục; nguyên đơn đã tuân thủ đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có ly do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị L, buộc ông Nguyễn G phải trả cho bà Lê Thị L số tiền nợ gốc là 50.050.000 đồng và lãi suất 0,8%/tháng kể từ tháng 3/2015 đến ngày xét xử; ông Giọng phải chịu chi phí tố tụng về giám định và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn G phải trả nợ cho bà L và các con chung của bà và ông Trần Đức C , đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C , tỉnh Khánh Hòa. Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Giọng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn G.

Về nội dung vụ án:

[1] Trong hồ sơ, nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Nguyễn G đều trình bày thống nhất như sau: Ngày 25 tháng 5 năm 2011 âm lịch, chồng bà Lê Thị L là ông Trần Đức C (đã chết) có cho ông Nguyễn G vay 20.000.000 đồng, sau đó ông C có cho ông G vay thêm số tiền 30.000.000 đồng. Đến sau ngày ông C chết (ngày 21/6/2011) thì ông G mới viết vào giấy nợ số tiền ông C cho ông G vay là 50.000.000 đồng. Sau đó ông G vay tiếp của bà L

20.000.000 đồng. Tổng cộng ông G vay của ông C , bà 70.000.000 đồng, ông G có viết giấy ghi cụ thể từng lần vay tiền.

Về lãi suất các bên trình bày không thống nhất và không ghi trong giấy mượn tiền.

Ông Giọng cho rằng ông trả lãi cho bà L mỗi tháng 9% trên số tiền vay, trả được bao nhiêu ông không nhớ.

Bà L cho rằng các bên chỉ thỏa thuận tính lãi trên số tiền ông G vay của ông Cường chồng bà và bà số tiền 50.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng tức 8%/ tháng. Nhưng ông G trả cho bà không đầy đủ, bà cũng không nhớ rõ ông G đã trả bao nhiêu. Sau đó, con trai bà là Trần Quốc V có nhận tiền lãi ông G góp hàng ngày 100.000 đồng, lúc có lúc không, tính từ tháng 12/2014 đến tháng 02/2015 tổng cộng được 19.950.000 đồng.

Ông C chết. Các con của bà L và ông C đều thống nhất giao toàn bộ số tiền ông G vay của cha cho mẹ là bà L .

Ông G trình bày ông đã trả cho ông C 30.000.000 đồng gốc. Sau khi ông C chết, ông đã trả dần tổng cộng là 19.950.000 đồng cho con bà L là anh Trần Quốc V . Hiện nay ông chỉ còn nợ bà L ông C 20.050.000 đồng gốc. Để chứng minh ý kiến của mình, ông G xuất trình chứng cứ là giấy viết tay ghi " tiền lãi đưa" không ghi ngày tháng năm viết ông cho là do bà L lập giao cho ông. Bà Lê Thị L không thừa nhận tài liệu này do bà L viết. Ông G đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định. Xét thấy yêu cầu của ông G là cần thiết cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố C đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 01/QĐ-TCGĐ ngày 26/01/2018. Tại Kết luận giám định số 100/GĐTP/2018 ngày 08/02/2018 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa đã kết luận: Chữ viết ghi tại giấy " tiền lãi đưa" so sánh với các mẫu chữ viết của bà Lê Thị L là " không phải do cùng một người viết ra". Ông G không đồng ý với kết luận giám định nêu trên, ngày 14/3/2018 ông G có đơn xin giám định lại. Căn cứ vào quy định tại khoản 5 Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu giám định lại của ông G.

Trên cơ sở phân tích nêu trên, theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L , buộc ông G phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 50.050.000 đồng và lãi suất 0,8% tháng kể từ tháng 3/2015 đến hết tháng 4/2018 là: 50.050.000 đồng x 38 tháng x 0,8% = 15.215.200 đồng. Tổng cộng số tiền ông G phải trả cho bà L là: 50.050.000 đồng + 15.215.200 đồng = 65.265.200 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn G phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.955.000 đồng. Ông Nguyễn G đã nộp đủ chi phí giám định.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông

Nguyễn G phải chịu toàn bộ án phí Dân sự là: 65.265.200 đồng x 5% = 3.263.260 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 5 Điều 102, khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L . Buộc ông Nguyễn G phải trả cho bà Lê Thị L số tiền nợ gốc là 50.050.000 đồng (Năm mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 15.215.200 đồng (Mười lăm triệu hai trăm mười lăm nghìn hai trăm đồng), tổng cộng hai khoản là 65.265.200 đồng (Sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn G phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.955.000 đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Ông Nguyễn G đã nộp đủ chi phí giám định.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn G phải nộp 3.263.260 đồng (Ba triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi đồng) án phí Dân sự sơ thẩm về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Hoàn lại cho bà Lê Thị L 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0011759 ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

4. Quy định: Kể từ ngày bà Lê Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn G chưa thi hành xong khoản tiền gốc phải trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn bà Lê Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Trần Quốc V , anh Lê Quốc V , chị Trần Lê Thụy Tường V, chị Trần Lê N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.C;
- CC. THADS TP.C;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hằng